

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **140** /2018/HSST

Ngày: 23/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Nhác

2. Ông Tạ Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 135/2018/HSST ngày 17/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐ-HSST ngày 03/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐ-HPT ngày 15/5/2018 đối với các bị cáo:

1. LÊ ĐỨC T, sinh năm: 1969; HKTT: Tổ 03 phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội; Chỗ ở: Như trên; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Văn hóa: 4/12; Con ông: Lê Văn A (c), con bà: Lê Thị T1; gia đình có 07 (Bảy) anh em, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là Âu Thị T2, có một con sinh năm 1992. Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **189** lập ngày 03/3/2018 của Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo có 02 (Hai) tiền sự:

- Năm 2000, công an phường Văn Miếu, quận Đống Đa, TP. Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. (Đã xóa)

- Năm 2006 đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy số VI – TP. Hà Nội. (Đã xóa)

Bị cáo hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt*).

2. NGUYỄN XUÂN Đ – Sinh năm: 1979; HKTT: Số 35 ngách 454/26 M, phường V, quận H, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Xuân L, con bà: Nguyễn Thị H; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Trần Thúy H1, có 02 con (lớn sinh năm 2004 và nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **210** lập ngày 22/3/2018 của Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Hiện đang cai nghiện, chữa trị tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số VII – TP. Hà Nội từ ngày 17/01/2018. (*Có mặt*)

3. NGUYỄN THỊ T3 - Sinh năm: 1965; HKTT: Xóm H2, xã C, huyện T4, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: Số 1001 N, phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/10; Con ông: Nguyễn Văn Q, con bà: Lưu Thị M1; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ ba; Chồng là anh Nguyễn Văn N1 có 03 con (lớn sinh năm: 1993 và nhỏ sinh năm: 1997); Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **191** lập ngày 07/3/2018 của Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt*).

4. PHẠM THỊ N2 – Sinh năm: 1979; HKTT: Đội 1 xóm T5, xã C, huyện T4, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: Số 1009 N, phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông: Phạm Quốc C1; con bà: Lưu Thị N3; gia đình có 05 (Năm) chị em, bị cáo là con thứ hai; Chồng là anh Đỗ Văn H3, có 02 con (lớn sinh năm: 1998 và nhỏ sinh năm: 2001); Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản 188 lập ngày 03/3/2018 của Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo được áp dụng Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (*Có mặt*)

Người bị hại: Công ty CP X – Trụ sở: Lô D2 khu đấu giá quyền sử dụng đất, phường V1, quận H6, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Vũ L1 – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Dương Hải C2. (Vắng mặt có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01h25' ngày 15/01/2018, tổ công tác công an phường Giang Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát trên địa bàn đến khu vực Trường mầm non Thiên đường Trẻ thơ, thuộc khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội thì phát hiện 02 (Hai) phụ nữ đi bộ kéo theo 01 (Một) chiếc xe cải tiến chở sắt nên đã tiến hành kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra, 02 (Hai) người phụ nữ trên khai tên là Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2; số sắt trên xe cải tiến gồm 29 (Hai mươi chín) chiếc giá đỡ điều hòa bằng tôn Zan, kích thước 40x40cm; 04 thanh kim loại chữ U dài 2,5m; 160 (Một trăm sáu mươi) thanh sắt xoắn phi 12 mm, dài 02 m do T3 và N2 mua của 01 người đàn ông là nhân viên bảo vệ ở tòa nhà CT19B, khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội với giá 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng). Do T3 và N2 không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc số sắt thép trên nên tổ công tác đã lập biên bản sự việc, sau đó đưa các đối tượng cùng số đồ vật trên về trụ sở công an phường để làm rõ (BL 48).

Quá trình điều tra xác định: Lê Đức T và Nguyễn Xuân Đ là nhân viên của Công ty CP dịch vụ bảo vệ Thịnh An, địa chỉ: Lô 16 Khu 01, TT cụm CSKT – Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội. Nhiệm vụ của T và Đ là bảo vệ vòng ngoài công trường đang thi công, kiểm soát việc ra vào công trường (gồm người, phương tiện, nguyên vật liệu) tại tòa nhà CT19B phường Giang Biên, quận Long Biên. Còn bên trong công trường là các công ty thi công, các công ty này đều có bảo vệ riêng để bảo vệ tài sản của mình tại công trường.

Tối ngày 14/01/2018, Lê Đức T biết Phạm Thị N2 và Nguyễn Thị T3 là hai người mua phế liệu sẽ quay lại trả xe cải tiến của công trường nên T nảy sinh ý định trộm cắp vật liệu để bán cho 02 (Hai) người phụ nữ trên. T liền bàn bạc với Nguyễn Xuân Đ khi T3 và N2 đến sẽ đưa họ vào lấy tài sản, Đ đồng ý. Khoảng 00h30' ngày 15/01/2018, khi thấy T3 và N2 quay lại trả xe cải tiến, Đ bảo T3 và N2 kéo xe đi theo Đ đến tòa nhà A nơi có ba đồng sắt thép, vật tư còn mới được bọc nilon để ở sân của công ty CP X. Đ chỉ vào các đồng sắt thép trên rồi nói với T3 và N2 nhặt mỗi đồng một ít. T3 và N2 nhận thức được Đ làm bảo vệ, không phải là chủ tài sản nên không có quyền bán số sắt thép trên vì vậy tỏ vẻ lưỡng lự thì Đ nói “Sợ cái gì, đây có bảo lãnh rồi”. Do háms lợi nên T3 và N2 bốc đầy sắt, thép lên xe rồi Đ đưa T3 và N2 kéo xe cải tiến ra lối cổng sau. Tại đây, T3 đưa cho Đ 700.000 đồng thì Đ nói “Các chị trả như vậy không biết ông kia có đồng ý không?”

(ý nói đến Lê Đức T lúc này đang ngồi trực ở cổng chính. Khi không thấy Đ đòi thêm tiền, T3 và N2 kéo xe cải tiến chở sắt thép đi tìm chỗ bán. Khi 02 (Hai) đối tượng đi đến đoạn trường mầm non Thiên đường Trẻ thơ thì gặp tổ công tác công an phường Giang Biên đang làm nhiệm vụ, kiểm tra hành chính như nội dung trên.

Sau khi nhận tiền do T3 và N2 trả, Đ mang 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) đưa cho T. T chia cho Đ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), cho anh Lê Văn Đ1 – Sinh năm: 1972, HKTT: N2, K, Hà Nam (bảo vệ của công ty V1) 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng), T giữ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khi vụ án được phát hiện, cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền trên.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2 khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với số vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập.

Đối với Lê Văn Đ1, quá trình điều tra xác định anh Đ1 không biết T và Đ trộm cắp tài sản, không biết số tiền trên do T và Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại kết luận định giá tài sản số 41/KL_ĐG ngày 27/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Long Biên kết luận:

- 29 giá đỡ điều hòa bằng tôn Zan, kích thước 40x40cm trị giá 870.000 đồng;
- 04 thanh kim loại chữ U sáng màu dài 2,5m trị giá 225.000 đồng;
- 160 thanh sắt Tyren xoắn phi 12mm, dài 02m trị giá 3.520.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá bằng 4.615.000 đồng. (Bốn triệu, sáu trăm mười lăm ngàn đồng) (BL54)

Về dân sự: Cơ quan điều tra – Công an quận Long Biên đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho Công ty CP X (do anh Trịnh Phúc D – Sinh năm: 1986, HKTT: Phòng 1118 Chung cư Y, phường N3, quận Long Biên, TP. Hà Nội là đại diện): 29 chiếc giá đỡ điều hòa bằng tôn Zan; 04 thanh kim loại chữ U; 160 thanh sắt xoắn. Anh D đã nhận lại tài sản và không đề nghị gì thêm về dân sự.

Đối với chiếc xe cải tiến cơ quan công an thu giữ của Phạm Thị N2: do chưa xác định được chủ sở hữu nên cơ quan CSĐT – Công an quận Long Biên đã ra quyết định tách tài sản trên cùng tài liệu liên quan để làm rõ và xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 132/CT-VKS-LB ngày 12/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2 về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2 đã đủ yếu tố cấu thành tội: **“Trộm cắp tài sản”** theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 47, 65 của BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS đối với bị cáo Lê Đức T; xử phạt bị cáo Lê Đức T mức án từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 20-24 tháng, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, h, s và điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 65 của BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS đối với bị cáo Nguyễn Xuân Đ; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ mức án từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng đến 20 tháng, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, h, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 47, Điều 65 của BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS đối với bị cáo Nguyễn Thị T3; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T3 mức án từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng đến 20 tháng, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, h, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 47, Điều 65 của BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS đối với bị cáo Nguyễn Thị T3; xử phạt bị cáo Phạm Thị N2; xử phạt bị cáo Phạm Thị N2 mức án từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 16 tháng đến 20 tháng, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS đề nghị tịch thu, sung công quỹ ngân sách Nhà nước 700.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận và mong muốn được sự khoan hồng để có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2 đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đối với các bị cáo đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, bản kết luận giám định, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00h30' ngày 15/01/2018, tại công trường CT19B khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ là nhân viên bảo vệ vòng ngoài của công trường đã cấu kết với Nguyễn Thị T3, Phạm Thị N2 là người đi thu mua phế liệu để cùng thực hiện hành vi trộm cắp 29 (Hai mươi chín) chiếc giá đỡ điều hòa, 04 (Bốn) thanh kim loại chữ U, 160 (Một trăm sáu mươi) thanh sắt xoắn trị giá 4.615.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm mười lăm ngàn đồng) của Công ty CP X đang thi công tại công trường. Các bị cáo lợi dụng lúc ban đêm vắng người, khi nhân viên của công ty CP X không thi công và không có mặt tại hiện trường. Sau khi lấy được tài sản đã chất lên xe cải tiến và đẩy xe ra bằng lối cổng sau của công trình, trên đường đi tại khu vực trường mầm non Thiên đường trẻ thơ, thuộc khu đô thị Việt Hưng thì bị cơ quan công an phường Giang Biên phát hiện quả tang cùng tang vật.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác (Công ty CP X) ngày 15/01/2018, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị là 4.615.000 đồng (Bốn triệu, sáu trăm mười lăm ngàn đồng) nêu trên của các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3, Phạm Thị N2 đã phạm vào tội: Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội: **“Trộm cắp tài sản”** theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn, là nỗi lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải nghiêm trị đối với các bị cáo.

[3] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo Lê Đức T là kẻ khởi xướng việc trộm cắp tài sản và thực hành; bị cáo Nguyễn Xuân Đ, Phạm Thị N2 và Nguyễn Thị T3 là kẻ thực hành. Nguyễn Xuân Đ là người đã đưa hai bị cáo N2 và T3 vào công trường và chỉ chỗ có tài sản để hai bị cáo N2 và T3 lấy tài sản. Sau đó N2 và T3 đã trả cho hai bị cáo T và Đ số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng). T là người đã chia số tiền nêu trên cho T và Đ cùng hưởng.

Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ trộm cắp tài sản đồng phạm giản đơn, giá trị tài sản không lớn đã thu hồi đầy đủ trả lại cho người bị hại. (Điểm h, khoản 1 Điều 51 BLHS). Các bị cáo do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn đều làm bảo vệ, làm người nhật phế liệu đồng nát để mưu sinh, nhất thời phạm tội. Quá trình tố tụng các bị cáo đã thật thà khai báo về hành vi của mình, hiện các bị cáo đều nhận thức được việc làm của mình là sai trái, ăn năn hối cải. (Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS). Bị cáo T chưa có tiền án, các tiền sự của bị cáo đều đã được xóa, về nguyên tắc được coi là người chưa có tiền sự. Đối với bị cáo Đ việc cai nghiện là tự nguyện nên cũng không bị coi là có tiền sự. Như vậy đối với các bị cáo Đ, T3, N2 đều là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. (Điểm i, Khoản 1, Điều 51 BLHS). Bị cáo T3 có mẹ là bà Lưu Thị M1 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất năm 1962, bị cáo N2 là lao động chính trong gia đình có chồng bị tàn tật và nuôi mẹ già, bố bị cáo N2 là ông Phạm Quốc T4 được tặng thưởng huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba. (Khoản 2 Điều 51 BLHS). Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Do đó đối với các bị cáo HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cần áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, để cho các bị cáo có cơ hội lao động, phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Xét các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Phạm Thị N2 và Nguyễn Thị T3 không có nghề nghiệp ổn định, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên tha miễn hình phạt bổ sung quy định tại Khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4] Về xử lý vật chứng: Đề xuất của Viện kiểm sát tại phiên tòa về xử lý tang vật của vụ án là có căn cứ nên chấp nhận. Tịch thu, sung công quỹ ngân sách nhà nước 700.000 đồng.

[5] Về dân sự: Cơ quan điều tra – Công an quận Long Biên đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho Công ty CP X (do anh Trịnh Phúc D – Sinh năm: 1986, HKTT: Phòng 1118 Chung cư Y, phường N3, quận Long Biên, TP. Hà Nội là đại diện): 29 chiếc giá đỡ điều hòa bằng tôn Zan; 04 thanh kim loại chữ U; 160 thanh sắt xoắn. Công ty đã nhận lại tài sản và không đề nghị gì thêm về dân sự. Do đó, HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe cải tiến cơ quan công an thu giữ của Phạm Thị N2: do chưa xác định được chủ sở hữu nên cơ quan CSĐT – Công an quận Long Biên đã ra quyết định tách tài sản trên cùng tài liệu liên quan để làm rõ và xử lý sau.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Buộc các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2 phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST.

Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

- *Áp dụng Khoản 1 điều 173, điểm s, h Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Xử phạt: Bị cáo Lê Đức T **10 (Mười)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **20 (Hai mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Đức T về Ủy ban nhân dân phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội để giám sát giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách của bản án. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- *Áp dụng Khoản 1 điều 173, điểm s, i, h Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân Đ **10 (Mười)** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **20 (Hai mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân Đ về Ủy ban nhân dân phường V, quận H, TP. Hà Nội để giám sát giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách của bản án. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- *Áp dụng Khoản 1 điều 173, điểm s, i, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T3 **08 (Tám)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T3 về Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội để giám sát giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách của bản án. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- *Áp dụng Khoản 1 điều 173, điểm s, i, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị N2 **08 (Tám)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **16 (Mười sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Thị N2 về Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Long Biên, TP. Hà Nội để giám sát giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách của bản án. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

- Tịch thu, sung công quỹ ngân sách Nhà nước 700.000 đồng (*Theo Giấy nộp tiền ngày 13/4/2018*).

3. Về dân sự: Không.

4. Án phí : Áp dụng Điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Đức T, Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Thị T3 và Phạm Thị N2 phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, TP.Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP.Hà Nội;
- Sở Tư pháp T.P Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ, Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hằng